

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 263/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v tranh chấp “Hôn nhân
và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- Thành phần xét xử sơ thẩm rút gọn gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018 về “*Hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2018/QĐXXST –HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Tuyết G**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp PL B, xã PTh A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng P**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: tổ 6, ấp HT, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Chị G, anh P có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai được công khai tại phiên tòa, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Tuyết G trình bày: Thông qua mai mối và cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới cho anh, chị vào năm 2006, chung sống với nhau như vợ chồng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng cùng đi làm công nhân tại Bình Dương, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị G bỏ đi thuê nhà riêng sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng P.

Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/11/2007, hiện đang sống với chị G, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không nợ ai, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng P trình bày: Anh và chị Huỳnh Thị Tuyết G chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn hoàn toàn đúng như chị G trình bày. Quá trình chung sống đến đầu năm 2013 thì giữa anh và chị G xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị G đã bỏ đi cho đến nay không còn sống chung. Nay chị G yêu cầu ly hôn, anh đồng ý theo yêu cầu của chị G.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/11/2007, hiện đang sống với chị G, anh đồng ý chị G tiếp tục nuôi con, anh không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh, chị không ý kiến và yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án và được công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Tuyết G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Hoàng P nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Hoàng P với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hiệp Trung, xã HX, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

[3] Về tố tụng: Vụ án hôn nhân gia đình có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, chứng cứ đầy đủ, bảo đảm đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập thêm chứng cứ, tài liệu nên được Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục rút gọn được quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Chị G, anh P có yêu cầu được xét xử vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về hôn nhân: Năm 2006, chị G, anh P được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, chung sống và coi nhau như vợ chồng nhưng đến nay vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nơi cư trú của anh chị để đăng ký kết hôn quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là vi phạm pháp luật hôn nhân và gia đình. Mặc dù, anh P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị G nhưng không được công nhận. Chị G có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, Thẩm phán xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình không công nhận chị G và anh P là vợ chồng.

[6] Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/11/2007, hiện cháu K đang sống với chị G, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu anh P cấp dưỡng và anh P đồng ý nên Tòa án giao cháu K cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên hoặc tự lập được. Tuy nhiên, chị G phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh P đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 317; Điều 318; Điều 320 và Điều 321 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 14, Điều 15, Điều 51; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Huỳnh Thị Tuyết G và anh Nguyễn Hoàng P là vợ chồng.

Về con chung:

+ Chị Huỳnh Thị Tuyết G được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 04/11/2007 đến thành niên hoặc tự lập được. Anh Nguyễn Hoàng P không phải cấp dưỡng cho con.

+ Chị Huỳnh Thị Tuyết G phải tạo điều kiện thuận lợi khi anh Nguyễn Hoàng P đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở anh P thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Tuyết G phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016829 ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, còn lại 150.000 đồng hoàn lại cho chị G.

Anh Nguyễn Hoàng P không phải chịu án phí.

Chị G, anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi Nhận :

- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Keo